

Bản án số: 55/2023/DS-PT
Ngày 16 - 2 - 2023
V/v “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Chí Tâm

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Trúc Phương

Ông Lê Khắc Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Trung Đến - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 04 tháng 01 và ngày 16 tháng 2 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2022/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số /2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố HN bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 359/2022/QĐPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khóm An P, phường A A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965;

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: Khóm An L, phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

4. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Ấp T1, xã Tân C, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà K và ông Th là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp bà L: Luật sư Thái Quang Tr- Văn phòng Luật sư Chính Nghĩa- Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* 1. Ông Ngô Xôi M, sinh năm 1968;

2. Ông Ngô Xây M, sinh năm 1972.

Người đại diện hợp pháp ông Xây M là ông Ngô Xôi M, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố H N, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971 (chị bà L);

Địa chỉ: Khóm An P phường A, thành phố H N, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (em bà L);

Địa chỉ: Khóm An L phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp bà Th, bà H là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà Nguyễn Thị M (M), sinh năm 1979 (vợ ông Xây M);

4. Chị Ngô Kim H, sinh năm 1996 (con ông Xây M);

5. Anh Ngô Hoàng Th, sinh năm 2006 (con ông Xây M);

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (vợ ông Xôi M);

7. Anh Ngô Hoàng Ph, sinh năm 1990 (con ông Xôi M);

8. Chị Ngô Xu Ng, sinh năm 1994 (con ông Xôi M);

9. Chị Ngô Kim N, sinh năm 1997 (con ông Xôi M).

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp.

10. Ông Ngô Diệp M, sinh năm 1948;

Địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố H N, tỉnh Đồng Tháp.

11. Ông Ngô Văn M, sinh năm 1948;

Địa chỉ: ấp Phú L, xã PB, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

12. Bà Ngô Su Ng, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khóm An Ph, phường An , thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

13. Bà Ngô Su K, sinh năm 1960 (chị ông Xây M, Xôi M);

Địa chỉ: Ấp Bì xã Thường Thới Hậu A, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

14. Bà Ngô Su D, sinh năm 1966 (chị ông Xây M, Xôi M);

15. Ông Ngô Sánh M, sinh năm 1968 (anh ông Xây M, Xôi M).

Cùng địa chỉ: Khóm An P, phường A, thành phố g Ng, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

7. Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1929;

Địa chỉ: Khóm An L phường A, thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn Th trình bày:*

Nguồn gốc đất tranh chấp của cha là ông Nguyễn Văn T (Tên gọi khác Nguyễn Văn C và mẹ Nguyễn Thị B (đã chết) nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn L và bà Lâm Thị T vào năm 1966 (hai ông bà này đã chết, các con cháu hiện nay không biết ở đâu) để lại cho các nguyên đơn, việc cha mẹ để lại không có giấy tờ gì, vì là con trong gia đình. Khi cha mẹ nhận chuyển nhượng của ông L, bà T là nhận chuyển nhượng chung với ông Phạm Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị Th (đã chết), việc chuyển nhượng này có Bằng khoán điền thổ do T điền Địa tỉnh Châu Đốc. Sau khi nhận chuyển nhượng thì hai bên đã phân chia đất với nhau rõ ràng trên thực địa và quản lý, sử dụng ổn định cho tới nay không tranh chấp gì; phần đất tranh chấp này là của cha mẹ các nguyên đơn.

Lúc còn sống thì ông Ngô Văn H (là cha các bị đơn) có hỏi cha mẹ các nguyên đơn xin ở nhờ trên phần đất tranh chấp này, việc xin ở nhờ này không nhớ rõ là năm nào. Đến khoảng năm 1993, cha mẹ các nguyên đơn thấy ông H không có chỗ ở nên cho ông H ở nhờ đến hết đời ông H, với điều kiện là không được xây nhà kiên cố, việc cho ở nhờ này chỉ nói chuyện qua lại, chứ không có làm văn bản hay giấy tờ gì. Nay ông H chết, con của ông H là ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M tiến hành xây dựng nhà kiên cố, nguyên đơn có yêu cầu ông Xôi M và ông Xây M trả lại đất, nhưng hai ông không thống nhất trả.

Nay các nguyên đơn kiện yêu cầu giải quyết buộc ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M di dời nhà và các tài sản, công trình trả lại diện tích đất là 229,6m² thuộc một phần thửa số 46 và một phần thửa số 502, cùng tờ bản đồ số 22, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại khóm An P, phường A.

Các nguyên đơn thống nhất Sơ đồ đo đạc diện tích đất tranh chấp và giá trị

các tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá quyết định.

Ngoài ra nguyên đơn không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- Bị đơn ông Ngô Xôi M, ông Ngô Xây M trình bày:

Vào năm 1975, khi đất nước giải phóng, cha là ông Ngô Văn H (đã chết) từ Campuchia về nước sinh sống, bảy năm đầu thì thuê đất của ông Tư D (đã chết) ở. Đến năm 1980 Ủy ban nhân dân xã thời đó mới cấp cho mỗi người từ Campuchia về một phần đất để ở, trong đó có gia đình ông H. Do từ năm 1980 đến 1982 thì Nhà nước làm đường, đến năm 1982 Nhà nước làm đường xong mới về ở được. Diện tích mà Ủy ban nhân dân xã cấp cho có chiều ngang là 15m, nhưng cha bị đơn chỉ sử dụng 10m. Trước đây không nhớ rõ năm nào các bên có xuống tại Ban nhân dân ấp thỏa thuận (không có lập biên bản gì), thì cha bị đơn thống nhất trả lại cho ông T, bà B phần diện tích không sử dụng là ngang 5m, hiện nay là nhà của bà Nguyễn Thị Th đang ở (Bà Th là chị các nguyên đơn), phần diện tích trả lại này thì bị đơn thống nhất không tranh chấp. Phần diện tích còn lại có chiều ngang 10m thì cha bị đơn sử dụng ổn định từ khi Nhà nước cấp cho đến nay, không ai tranh chấp hay ngăn cản gì. Không có việc cha bị đơn xin ở nhờ trên đất tranh chấp này như các nguyên đơn trình bày.

Bị đơn thống nhất nguồn gốc phần đất tranh chấp này là của ông T, bà B (là cha, mẹ của nguyên đơn). Tuy nhiên, bị đơn không thống nhất trả lại đất này cho nguyên đơn, vì phần đất này đã được Nhà nước thời đó thống nhất cấp cho cha và gia đình sinh sống ổn định từ đó cho tới nay và đã qua rất nhiều lần sửa chữa nhà lại. Hiện nay phần đất tranh chấp này chỉ có gia đình ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M xây dựng nhà đang ở trên đất và việc ở này từ trước đó cho tới nay, do cha mẹ thống nhất để lại, không liên quan gì tới các người anh em khác, vì họ đã lập gia đình ra riêng từ rất lâu.

Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì gia đình của bị đơn thống nhất tự nguyện di dời nhà, tài sản khác để trả đất, vì nhà là của bị đơn tự xây dựng lên và đang ở. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận quyền sử dụng phần đất tranh chấp đất này cho bị đơn hay ai khác, khi nào thấy cần thiết và đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật thì bị đơn sẽ tự đi đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo thủ tục hành chính của pháp luật.

Nhưng xét thấy do phần đất tranh chấp này có nguồn gốc là của cha mẹ nguyên đơn nên bị đơn thống nhất hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền là 20.000.000 đồng về thành quả khai phá phần đất này.

Bị đơn thống nhất Sơ đồ đo đạc diện tích đất tranh chấp của Tòa án và giá

trị các tài sản tranh chấp theo giá của Hội đồng định giá quyết định.

Ngoài ra bị đơn không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị M (Mỹ), Ngô Kim H, Ngô Hoàng Th (Đại diện theo pháp luật của Th là ông Xây M và bà M), Nguyễn Thị Hg, Ngô Hoàng Ph, Ngô Xu Ng, Ngô Kim N, Ngô Diệp M, Ngô Văn M, Ngô Su Ng, Ngô Su K và Ngô Su D trình bày:*

Thông nhất với lời trình bày và yêu cầu bị đơn.

Bản án số /2022/DS-ST ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H N quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 157, 165, 227, 228, 229, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 236 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 26 và 203 của Luật Đất đai năm 2013.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu bị đơn là ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M di dời nhà và các tài sản, công trình để trả lại phần đất có diện tích là 229,6m², đất thuộc một phần thửa 46 và một phần thửa 502, cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm An P, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Công nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M về việc ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M thống nhất hỗ trợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Th số tiền là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.596.000đ. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 5.165.500 đồng, theo 02 biên lai thu số 0004735 ngày 19/5/2020 và số 0013431 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HN. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th còn phải liên đới nộp là 7.430.500 đồng.

Các đương sự khác còn lại trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.021.000 đồng (đã nộp và chi xong).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bà L kháng cáo toàn bộ bản án yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết; sửa một phần bản án dân sự là buộc ông Ngô X M trả lại cho bà L quyền sử dụng đất có diện tích 229,6m². Đồng thời được quyền quản lý sử dụng; được đến cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định về luật đất đai.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự bà L, ông Xôi M, Luật sư Tr, Trợ giúp viên pháp lý ông B, người làm chứng ông Th có mặt. Các đương sự khẳng định đã xuất trình thêm đầy đủ các chứng cứ cho Tòa án xem xét giải quyết vụ án.

Bà L trình bày: Bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đất gia đình bà Lai có nguồn gốc từ cụ T, cụ B sử dụng xung quanh đất tranh chấp. Đất những dân từ Campuchia về sinh sống đã được nhà nước cấp quyền sử dụng đất. Riêng đất của ông H, ông M là mượn của gia đình bà nên chưa được cấp quyền sử dụng đất.

Luật sư Tr trình bày: Việc sử dụng đất xung quanh là của gia đình bà B sử dụng. Đất ông T, bà B có giấy mua bán đất. Việc thực hiện theo chính sách đất đai dân Campuchia về ở nhưng không có quyết định nào cho đến nay. Tập đoàn chỉ có thể quản lý đối với đất nông nghiệp, cắt đất xâm canh. Bị đơn thừa nhận nguồn gốc đất của gia đình bà L nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L.

Ông Xôi M trình bày: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của bà L, công nhận đất hộ gia đình ông Xôi M và Xôi M được tiếp tục sử dụng vì hộ ông đã ở từ trước năm 1980 đến nay.

Người làm chứng ông Th có mặt tại phiên tòa vẫn cung cấp thông tin như đã cung cấp trước đây. Thấy ông H ở trên đất từ năm 1980 đến nay chứ không biết nguồn gốc sử dụng đất bà L tranh chấp với hộ ông M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý đến khi giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng các đương sự, Luật sư có mặt đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Về nội dung kháng cáo đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà L, căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS tuyên xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thành phần những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng thì các đương sự thống nhất không có ai có yêu cầu bổ sung hay khiếu nại.

[2] Phần đất tranh chấp có diện tích là 229,6m², tọa lạc tại khóm An P, phường A. Trên phần diện tích đất tranh chấp này có căn nhà của ông Ngô Xây M, diện tích là 78,2m² và căn nhà của ông Ngô Xôi M diện tích là 65,2m². Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thành phố HN tại Công văn số: 1710/UBND-HC ngày 08/12/2020 và Công văn số: 1265/CNVPĐKĐĐ ngày 29/11/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố HN thì phần diện tích đất tranh chấp này thuộc một phần thửa 46 (diện tích 53,2m²) và thuộc một phần thửa 502 (diện tích 176,4m²), cùng tờ bản đồ số 22, phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo sổ mục kê chưa có tên chủ sử dụng đất và không có tên chủ sử dụng đất trên trang sổ địa chính. Từ trước tới nay phần đất này chưa có ai đăng ký để cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Về yêu cầu tranh chấp: Các nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải di dời nhà và các tài sản, công trình khác để trả lại phần đất tranh chấp này, vì đất này là của cha mẹ nhận chuyển nhượng của cụ Trần Văn L, cụ Lâm Thị T chết để lại, việc chuyển nhượng có Bằng khoán điền thổ; khi cha mẹ còn sống thì có cha của bị đơn ông H ở nhờ đến hết đời và không được xây nhà kiên cố. Nay ông H chết, gia đình bị đơn lại xây dựng nhà kiên cố nên yêu cầu trả đất lại.

Các bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thống nhất phần đất này có nguồn gốc là của gia đình nguyên đơn, nhưng vào năm 1980 được Nhà nước xét cấp cho cha là ông H và gia đình bị đơn sinh sống cho tới nay. Không có việc gia đình bị đơn xin ở nhờ đất như nguyên đơn trình bày,

nay bị đơn thống nhất hỗ trợ cho phía nguyên đơn 20.000.000đồng do công khai phá đất và không yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận QSD đất tranh chấp này cho mình.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm qua thu thập chứng cứ xét: Qua trình sử dụng đất theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường A tại Công văn số: 580/UBND ngày 23/12/2020 thì phía gia đình của bị đơn sinh sống trên phần đất tranh chấp này từ năm 1975 cho tới nay và qua kết quả xác minh thành viên Tập đoàn thuộc xã trước đây thì có cấp phần diện tích đất tranh chấp này cho gia đình bị đơn.

Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp này là cho gia đình bị đơn ở nhờ, nhưng bị đơn không thừa nhận việc xin ở nhờ này và nguyên đơn cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc gia đình bị đơn xin ở nhờ này.

Đồng thời, nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp này có nguồn gốc do cha mẹ nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn L, bà Lâm Thị T vào năm 1966, có Bằng khoán điền thổ do Ty điền Địa tỉnh Châu Đốc cấp. Tuy nhiên theo xác nhận của Ủy ban nhân dân thành phố H N tại Công văn số: 1710/UBND-HC nêu trên thì phần diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất, theo sổ mục kê chưa có tên chủ sử dụng đất, không có tên chủ sử dụng đất trên trang sổ địa chính và từ trước tới nay phần đất này chưa có ai đăng ký để cấp giấy chứng nhận QSD đất. Như vậy, thì từ khi cha mẹ nguyên đơn nhận chuyển nhượng phần diện tích đất tranh chấp cho tới nay thì phía nguyên đơn cũng không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình gì đối với Nhà nước về phần đất tranh chấp này.

Theo trình bày của bị đơn và xác nhận của Ủy ban nhân dân phường A thì gia đình bị đơn đã sử dụng ổn định từ năm 1982 cho tới nay là trên 30 năm, không có tranh chấp, vì vậy phía nguyên đơn đã từ bỏ quyền sử dụng đất của mình và phần diện tích đất tranh chấp này đã được Nhà nước giao cho gia đình bị đơn sử dụng khi thực hiện chính sách đất đai.

Theo khoản 5, Điều 26 Luật đất đai năm 2013, Điều 236 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định. Do đó xét thấy, nguyên đơn khởi kiện nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Bị đơn trình bày cha mẹ bị đơn có 09 người con là Ngô Diệp M, Ngô Văn M, Ngô Su Ng, Ngô Su Ki, Ngô Siêu M, Ngô Su D, Ngô Sánh M, Ngô Xôi M và Ngô Xôi Mg. Riêng ông Ngô Siêu M thì đã bỏ địa phương đi khoảng trên 20 năm nay, không biết địa chỉ đang ở đâu. Nên các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án đưa ông Siêu M vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong vụ án này bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận QSD diện tích đất tranh chấp cho mình, bị đơn trình bày khi nào thấy cần thiết và đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật thì bị đơn sẽ tự đi đăng ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xin cấp giấy chứng nhận QSD đất theo thủ tục hành chính của pháp luật, nếu các anh em bị đơn có phát sinh tranh chấp chia thừa kế gì liên quan đến phần đất tranh chấp này thì sẽ khởi kiện thành vụ án khác. Vì vậy, nên việc nguyên đơn và bị đơn thống nhất không yêu cầu Tòa án đưa ông Ngô Siêu M vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan việc này không làm ảnh hưởng tới việc giải quyết toàn diện vụ án và việc giải quyết vụ án cũng không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của người không có mặt là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Bị đơn thống nhất phần đất tranh chấp này có nguồn gốc là của phía nguyên đơn, nên nay bị đơn tự nguyện thống nhất hỗ trợ thành quả khai phá đất cho nguyên đơn là 20.000.000đ. Xét sự tự nguyện này của bị đơn là tự nguyện, có lợi cho nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Đồng thời căn cứ vào đây để quyết định về án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm bà L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm.

[7] Xét kháng cáo những trình bày và chứng cứ chứng minh của bà L nêu ra được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét giải quyết theo quy định pháp luật. Bà L kháng cáo yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em bà.

Qua thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm các nhận định của Tòa án sơ thẩm với lời khai của người làm chứng tại phiên tòa phúc thẩm.

Bà L cũng thừa nhận cụ T (chết tháng 3/1999); cụ B (chết tháng 02/2018) khi còn sống không có sử dụng đất tranh chấp; không có yêu cầu đăng ký để được cơ quan nhà nước xác lập, công nhận về quyền sử dụng đất; không có tranh chấp với gia đình ông H, ông Xôi M, ông Xây M yêu cầu trả lại đất. Gia đình ông H sử dụng đất từ khoản sau năm 1980; sau đó hai bên đã gặp thương lượng lại đất; ông H đã giao lại cho bà Th (con cụ B) 1 phần đất chiều ngang 5m sử dụng đến nay; hai bên đã thống nhất ranh đất sử dụng không có tranh chấp. Bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc cho mượn đất.

Qua lời khai đương sự việc Ủy ban nhân dân xã cấp đất cho gia đình ông H vào những năm 1980 là phù hợp với thực tế tại địa phương lúc bấy giờ và theo Quyết định của Hội đồng Chính Phủ số 20/HĐCP ngày 01/7/1980 về quản lý đất đai.

Đối với lời khai người làm chứng phía ông Th do bà L yêu cầu. Ông Th là người có hời nhờ ở phần đất khác của cụ T; cụ B. Ông Th cũng chỉ xác định

thấy hộ gia đình ông H, ông M sử dụng đất; không biết nguồn gốc đất do đâu, trực tiếp có để hộ gia đình ông H, ông M được sử dụng đất.

Từ những nhận định trên có đủ căn cứ xác định cụ T, cụ B khi còn sống không có tranh chấp đất với gia đình ông H, ông M; đã từ bỏ quyền sở hữu đất. Thống nhất phần diện tích gia đình ông M đang sử dụng ổn định trên 40 năm. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lai; giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định pháp luật .

Xét đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo bà L là đúng theo quy định pháp luật nên chấp nhận. Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu bị đơn là ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M di dời nhà và các tài sản, công trình để trả lại phần đất có diện tích là 229,6m², đất thuộc một phần thửa 46 và một phần thửa 502, cùng tờ bản đồ số 22, tọa lạc tại khóm An P, phường A, thành phố HN, tỉnh Đồng Tháp, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Công nhận sự tự nguyện của bị đơn ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M về việc ông Ngô Xôi M và ông Ngô Xây M thống nhất hỗ trợ cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị K và ông Nguyễn Văn Th số tiền là 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí, chi phí tố tụng dân sự sơ thẩm:

- Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 12.596.000 đồng. Tiền án phí được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 5.165.500 đồng theo 02 biên lai thu số 0004735 ngày 19/5/2020 và số 0013431 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H Ng. Bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th còn phải liên đới nộp là 7.430.500 đồng.

Các đương sự khác còn lại trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Th phải liên đới chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp tổng cộng là 3.021.000 đồng (đã nộp và chi xong).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006594 ngày 08/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố HN. Bà Nguyễn Thị L không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát tỉnh Đồng Tháp;
- Tòa án thành phố HN;
- Chi cục THADS tp HN;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Chí Tâm